

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM  
KHOA: QUẢN TRỊ KINH DOANH

DANH SÁCH GHI ĐIỂM THI  
Học kỳ 1 - Năm học 2021-2022

Môn: .....QUẢN TRỊ HỌC.....  
CBGD: NGUYỄN THỊ TỈNH

| STT | Mã sinh viên | Họ lót               | Tên   | Mã lớp       | ĐQT | ĐT  | ĐTK |
|-----|--------------|----------------------|-------|--------------|-----|-----|-----|
| 1   | 2121120230   | Trần Thị Ngọc        | Ánh   | CCQ2112<br>G | 8.3 |     |     |
| 2   | 2121120261   | Hoàng Thị            | Bắc   | CCQ2112<br>H | 8.2 | 7.2 | 7.6 |
| 3   | 2121120272   | Lê Uyên              | Chi   | CCQ2112<br>H | 8.3 | 6.2 | 7.1 |
| 4   | 2118030203   | Nguyễn Tấn           | Cường | CCQ1827<br>D | 8.2 | 5.4 | 6.5 |
| 5   | 2121120253   | Phan Thị Kim         | Đài   | CCQ2112<br>H | 8.2 | 8   | 8.1 |
| 6   | 2119120079   | Đặng Tiến            | Đạt   | CCQ1912<br>C | 8.3 | 7.6 | 7.9 |
| 7   | 2121120262   | Huỳnh Trung          | Đức   | CCQ2112<br>H | 8.2 | 6.8 | 7.3 |
| 8   | 2120120613   | Trần Văn             | Đức   | CCQ2012<br>R | 0.0 |     | 0.0 |
| 9   | 2121120273   | Huỳnh Văn            | Dương | CCQ2112<br>H | 7.5 | 5.4 | 6.2 |
| 10  | 2120200143   | Nguyễn Văn           | Duy   | CCQ2020<br>E | 8.2 | 4.8 | 6.1 |
| 11  | 2121120280   | Nguyễn Thị Bích      | Hà    | CCQ2112<br>H | 8.2 | 6.2 | 7.0 |
| 12  | 2121120211   | Nguyễn Thị Thu       | Hào   | CCQ2112<br>G | 8.3 | 8.2 | 8.3 |
| 13  | 2121120354   | Cao Văn              | Hoàng | CCQ2112<br>K | 0.0 |     | 0.0 |
| 14  | 2121120257   | Nguyễn Thị<br>Nguyệt | Huế   | CCQ2112<br>H | 8.2 | 5   | 6.3 |
| 15  | 2121120229   | Đặng Văn             | Hưng  | CCQ2112<br>G | 7.5 | 6.2 | 6.7 |
| 16  | 2121120274   | Nguyễn Thị Mỹ        | Hương | CCQ2112<br>H | 8.8 | 6.8 | 7.6 |
| 17  | 2121120268   | Trần Thị Quỳnh       | Hương | CCQ2112<br>H | 8.2 | 6   | 6.9 |
| 18  | 2121120222   | Dương Thị Huệ        | Huyền | CCQ2112<br>G | 8.3 | 6.8 | 7.4 |
| 19  | 2121120238   | Võ Thị Ngọc          | Huyền | CCQ2112<br>G | 9.2 | 6.6 | 7.6 |

|    |            |                     |        |              |     |     |     |
|----|------------|---------------------|--------|--------------|-----|-----|-----|
| 20 | 2121120246 | Nguyễn Ngọc         | Khá    | CCQ2112<br>H | 8.2 | 6.4 | 7.1 |
| 21 | 2121120214 | Trương Minh         | Khoa   | CCQ2112<br>G | 8.7 | 7.4 | 7.9 |
| 22 | 2121120271 | Nguyễn Ngọc         | Khôi   | CCQ2112<br>H | 9.0 | 9   | 9.0 |
| 23 | 2121120256 | Võ Văn Tuấn         | Kiệt   | CCQ2112<br>H | 8.2 | 6.8 | 7.3 |
| 24 | 2121120249 | Phạm Thị Mai        | Liên   | CCQ2112<br>H | 8.3 | 6.6 | 7.3 |
| 25 | 2121120218 | Nguyễn Hoài         | Linh   | CCQ2112<br>G | 8.3 | 5.6 | 6.7 |
| 26 | 2121120212 | Võ Ái Phương        | Linh   | CCQ2112<br>G | 8.2 | 6   | 6.9 |
| 27 | 2121120239 | Nguyễn Tấn          | Lộc    | CCQ2112<br>G | 8.7 | 6.6 | 7.4 |
| 28 | 2121120264 | Nguyễn Văn          | Lợi    | CCQ2112<br>H | 8.5 | 7   | 7.6 |
| 29 | 2121120236 | Nguyễn Thị          | Lượng  | CCQ2112<br>G | 8.2 | 5.8 | 6.7 |
| 30 | 2121120263 | Nguyễn Thị Kim      | Lựu    | CCQ2112<br>H | 8.7 | 7   | 7.7 |
| 31 | 2121120258 | Phùng Thị Thanh     | Mai    | CCQ2112<br>H | 0.0 |     | 0.0 |
| 32 |            | Châu Ngọc Tuyết     | Mỹ     | CCQ2112<br>D | 6.7 | 6   | 6.3 |
| 33 | 2119260138 | Bá Thập Nữ An       | Na     | CCQ1926<br>D | 8.2 | 4.8 | 6.1 |
| 34 | 2121120223 | Nguyễn Tiến         | Nam    | CCQ2112<br>G | 8.2 | 4.4 | 5.9 |
| 35 | 2121120220 | Trương Thị Thu      | Ngà    | CCQ2112<br>G | 8.2 |     | 3.3 |
| 36 | 2121120217 | Lê Thị Thảo         | Ngân   | CCQ2112<br>G | 8.2 |     | 3.3 |
| 37 | 2121120227 | Ngô Thị             | Nguyên | CCQ2112<br>G | 8.0 | 7.2 | 7.5 |
| 38 | 2121120242 | Trần Thị Mỹ         | Nguyên | CCQ2112<br>G | 8.7 | 6.4 | 7.3 |
| 39 | 2121120234 | Nguyễn Thị Trúc     | Nhã    | CCQ2112<br>G | 8.7 | 7.2 | 7.8 |
| 40 | 2121120231 | Trần Văn            | Nhã    | CCQ2112<br>G | 6.2 | 5.8 | 5.9 |
| 41 | 2121120259 | Hoàng Lê Thống      | Nhất   | CCQ2112<br>H | 8.0 | 7.4 | 7.6 |
| 42 | 2121120216 | Trần Thị Yến        | Nhi    | CCQ2112<br>G | 8.8 | 7.4 | 8.0 |
| 43 |            | Phan Lê Uyên        | Nhi    | CCQ2112<br>Q | 8.7 | 7.4 | 7.9 |
| 44 | 2121120255 | Nguyễn Ngọc<br>Trâm | Như    | CCQ2112<br>H | 8.2 | 6   | 6.9 |

|    |            |                     |            |              |     |     |     |
|----|------------|---------------------|------------|--------------|-----|-----|-----|
| 45 | 2120260020 | Lê Thị Hồng         | Nhung      | CCQ2026<br>A | 7.7 | 6.8 | 7.1 |
| 46 |            | Nguyễn Thanh        | Phi        |              | 7.3 | 7   | 7.1 |
| 47 | 2121120219 | Ngô Phạm Thanh      | Phươn<br>g | CCQ2112<br>G | 8.5 | 7.4 | 7.8 |
| 48 | 2121120279 | Vòng Minh           | Phươn<br>g | CCQ2112<br>H | 8.2 | 5.4 | 6.5 |
| 49 | 2121120245 | Hứa Ngọc Tú         | Quyên      | CCQ2112<br>G | 8.3 | 6.6 | 7.3 |
| 50 | 2121120215 | Châu Kim Quế        | Quỳnh      | CCQ2112<br>G | 8.7 | 8.2 | 8.4 |
| 51 |            | Nguyễn Thanh        | Sang       |              | 8.3 | 6.4 | 7.2 |
| 52 | 2121120276 | Nguyễn Thị          | Tâm        | CCQ2112<br>H | 8.2 | 7.2 | 7.6 |
| 53 | 2121120225 | Nguyễn Thị          | Thắm       | CCQ2112<br>G | 8.3 | 7.2 | 7.7 |
| 54 | 2121120252 | Nguyễn Thành        | Thắng      | CCQ2112<br>H | 8.0 | 6.6 | 7.2 |
| 55 | 2121120277 | Tạ Hồ Đức           | Thắng      | CCQ2112<br>H | 7.2 |     | 2.9 |
| 56 | 2121120248 | Đinh Thị Phương     | Thảo       | CCQ2112<br>H | 8.7 | 9   | 8.9 |
| 57 | 2121120235 | Phạm Quốc           | Thiện      | CCQ2112<br>G | 5.7 | 5.2 | 5.4 |
| 58 | 2120270025 | Bùi Thị Thanh       | Thịnh      | CCQ2027<br>A | 8.2 | 7   | 7.5 |
| 59 | 2121120233 | Trương Thị Mỹ       | Thoa       | CCQ2112<br>G | 8.5 | 6.2 | 7.1 |
| 60 | 2121120241 | Lê Nguyễn Anh       | Thư        | CCQ2112<br>G | 8.7 | 8   | 8.3 |
| 61 | 2121120224 | Bùi Thị Mỹ          | Thuận      | CCQ2112<br>G | 8.7 | 6.4 | 7.3 |
| 62 | 2121120270 | Nguyễn Ý            | Thương     | CCQ2112<br>H | 8.2 | 5.6 | 6.6 |
| 63 | 2121120243 | Lương Văn           | Tới        | CCQ2112<br>G | 8.0 | 4.2 | 5.7 |
| 64 | 2121120232 | Nguyễn Thị Ngọc     | Trâm       | CCQ2112<br>G | 8.5 | 4   | 5.8 |
| 65 | 2121120221 | Phạm Mai<br>Phương  | Trâm       | CCQ2112<br>G | 8.7 | 8   | 8.3 |
| 66 | 2121120250 | Lê Ngọc Bảo         | Trân       | CCQ2112<br>H | 8.2 | 6.2 | 7.0 |
| 67 | 2121120247 | Nguyễn Ngọc Quế     | Trân       | CCQ2112<br>H | 8.7 | 8.2 | 8.4 |
| 68 | 2121120237 | Nguyễn Ngọc<br>Uyên | Trang      | CCQ2112<br>G | 8.2 | 7.6 | 7.8 |
| 69 | 2121120267 | Nguyễn Phương       | Trinh      | CCQ2112<br>H | 8.8 | 6.4 | 7.4 |

|    |            |                     |       |              |     |     |     |
|----|------------|---------------------|-------|--------------|-----|-----|-----|
| 70 | 2121120228 | Nguyễn Thanh        | Trúc  | CCQ2112<br>G | 8.2 | 5   | 6.3 |
| 71 | 2119260116 | Nguyễn Hoàng        | Tuấn  | CCQ1926<br>C | 8.0 | 5.2 | 6.3 |
| 72 | 2121120226 | Nguyễn Thị Thanh    | Tuyền | CCQ2112<br>G | 8.2 | 7.2 | 7.6 |
| 73 | 2121120254 | Nguyễn Quốc         | Uy    | CCQ2112<br>H | 8.2 | 7.2 | 7.6 |
| 74 | 2121120278 | Nguyễn Thành        | Vinh  | CCQ2112<br>H | 8.3 | 8.2 | 8.3 |
| 75 | 2121120275 | Huỳnh Trần Lê       | Vy    | CCQ2112<br>H | 8.5 | 6.8 | 7.5 |
| 76 | 2121120251 | Nguyễn Song<br>Hoài | Vỹ    | CCQ2112<br>H | 8.5 | 6   | 7.0 |
| 77 | 2121120240 | Trần Mai Thanh      | Xuân  | CCQ2112<br>G | 2.8 |     | 1.1 |
| 78 | 2121120266 | Trần Thị Như        | Ý     | CCQ2112<br>H | 8.8 | 6.4 | 7.4 |
| 79 |            | Võ thị Như          | Ý     | CCQ2112<br>G | 8.7 | 6.4 | 7.3 |
| 80 | 2121120260 | Nguyễn Phương       | Yên   | CCQ2112<br>H | 8.5 | 7   | 7.6 |
| 81 | 2121120265 | Ngô Thị Hải         | Yến   | CCQ2112<br>H | 8.3 | 6   | 6.9 |